

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH

TẾ-LUẬT

KHOA LUẬT

Số:/ĐHKTL- KL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng 11 năm 2024

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG VÀ VIẾT LUẬN ÁN TIẾN SỸ

CHUYÊN NGÀNH: LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ

MÃ NGÀNH: 9 38 01 03

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SỸ

Chương trình đào tạo Tiến sỹ Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự (LDS&TTDS) của Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG-HCM được thực hiện theo hệ nghiên cứu hàn lâm (Academic Research), nhằm mở rộng kho tàng tri thức trong lĩnh vực LDS&TTDS. Văn bằng được công nhận là Tiến sỹ nghiên cứu - Doctor of Philosophy (PhD).

Chương trình đào tạo Tiến sỹ hàn lâm là bậc chuyển tiếp có mục đích chuyển đổi nghiên cứu sinh từ người tiêu dùng tri thức thành người sản xuất ra tri thức khoa học cho các cơ sở đào tạo bậc cao, chuyên sâu, nghiên cứu chuyên ngành và hàn lâm. Chương trình đào tạo này không chỉ nhằm cung cấp cho nghiên cứu sinh những nghiên cứu ở dạng vận dụng các lý thuyết để giải quyết những vấn đề cụ thể của LDS&TTDS, mà là những nghiên cứu để bổ sung, phát triển hoặc làm phong phú thêm vốn tri thức đã có trong các lĩnh vực của chuyên ngành LDS&TTDS. Nói cách khác, Chương trình nhằm đào tạo ra những người nắm vững phương pháp và có khả năng để tạo ra những tri thức khoa học mới, tức là sản xuất ra những tri thức khoa học, chứ không chỉ dừng lại ở mức tiêu dùng tri thức.

Việc phân biệt nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu hàn lâm thể hiện ở chỗ:

- Điểm giống nhau chung nhất giữa nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu hàn lâm là thiết kế qui trình chặt chẽ, tuân thủ các nguyên tắc học thuật trong từng bước nghiên cứu và lựa chọn phương pháp thực hiện đảm bảo độ tin cậy và khoa học.

- Điểm khác nhau căn bản và tiên quyết giữa hai dạng nghiên cứu này là mục tiêu đạt được của nghiên cứu. Nghiên cứu ứng dụng thiết kế phục vụ một địa chỉ cụ thể, cho một đơn vị, đối tượng hay lĩnh vực, ngành nghề nào đó. Nghiên cứu hàn lâm hướng tới mục tiêu phát hiện ra điểm mới trong lĩnh vực lý thuyết chuyên ngành mà chưa có nghiên cứu nào trước đó thực hiện. Do vậy, việc dò tìm lỗ hổng pháp lý hay sự khiếm khuyết của pháp luật trong tổng quan nghiên cứu là điều kiện bắt buộc trong mỗi đề cương, cũng như Luận án tiến sỹ của nghiên cứu sinh.

2. NHỮNG QUI ĐỊNH CỤ THỂ VỀ ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN TIẾN SỸ

Để đảm bảo qui trình thực hiện một Luận án tiến sỹ nghiên cứu hàn lâm, những vấn đề liên quan đến đề cương nghiên cứu phải tuân thủ chặt chẽ:

2.1. Tên đề tài:

Tên đề tài Luận án phải thể hiện nội dung một lĩnh vực nghiên cứu khoa học cụ thể được lựa chọn, thể hiện được bản chất của vấn đề, không gian, thời gian nghiên cứu dự kiến (nếu có), phản ánh đúng lĩnh vực chuyên ngành LDS&TTDS.

2.2. Tính cấp thiết của đề tài:

Lý giải tính cần thiết của vấn đề nghiên cứu, lý do chọn đề tài, ý nghĩa khoa học của đề tài (giải quyết vấn đề gì? Khám phá trong lĩnh vực nào? Bằng cách nào? Những đóng góp cụ thể là gì?).

2.3. Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài.

Đây là phần rất quan trọng của một đề cương nghiên cứu sinh và sau đó là Luận án Tiến sỹ. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề cập đến những tài liệu chuyên khảo, các bài báo khoa học đã công bố trên tạp chí chuyên ngành (Tạp chí quốc tế trong danh mục ISI, Scopus và các tạp chí uy tín khác, Tạp chí khoa học ở Việt Nam được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước qui định), những Luận án, đã bảo vệ trước hội đồng khoa học trong cùng lĩnh vực, từ đó có thể làm rõ những nội dung phát hiện trong các nghiên cứu trước để phản biện, kế thừa và dự kiến phát triển các giá trị tăng thêm trong nghiên cứu của mình.

2.4. **Đánh giá tình hình nghiên cứu và điểm mới của đề tài:**

Thực hiện tốt phần tổng quan nghiên cứu sẽ giúp NCS có thể phát hiện ra những lỗ hổng pháp lý, những điểm còn bất cập trong cả lý thuyết và phương pháp thực hiện của các nghiên cứu trước đó. Trên cơ sở kế thừa những quan điểm, lý thuyết, phương pháp đã được nghiên cứu đó, NCS tiếp tục tìm ra những quan điểm, lý thuyết, phương pháp mới, đề ra những giải pháp, góc nhìn mới nhằm khắc phục, hoàn thiện những lỗ hổng pháp lý, những điểm bất cập chưa được giải quyết bởi các công trình nghiên cứu trước. Đây chính là điểm mới dự kiến mang tính bắt buộc trong Luận án tiến sỹ.

2.5. **Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài**

Mục tiêu nghiên cứu phải tương thích với nội dung nghiên cứu của đề tài. Mục tiêu tiên quyết của Luận án tiến sỹ là tìm ra và luận giải được ***điểm mới về mặt lý thuyết***.

Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài cần tương thích với mục tiêu nghiên cứu. Nhiệm vụ nghiên cứu là những hoạt động, phương pháp đặt ra nhằm thực hiện được mục tiêu nghiên cứu.

2.6. **Đối tượng, phạm vi nghiên cứu đề tài:**

Đề cương phải xác định rõ đối tượng nghiên cứu, phạm vi giới hạn về đối tượng (chủ đề, vấn đề chuyên ngành LDS&TTDS), giới hạn không gian (địa bàn, quốc gia), thời gian (luật thực định và/hoặc luật trong quá khứ).

2.7. **Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu**

Đề cương cần chỉ ra câu hỏi nghiên cứu chính phục vụ cho việc giải quyết đề tài. Việc lựa chọn câu hỏi nghiên cứu phụ thuộc vào mục tiêu nghiên cứu, thể hiện được khi giải quyết câu hỏi này thì vấn đề nghiên cứu của đề tài sẽ được làm sáng tỏ, mục tiêu nghiên cứu sẽ đạt được.

Các câu hỏi nghiên cứu nhỏ phục vụ cho việc giải quyết câu hỏi nghiên cứu chính cũng phải được cụ thể hóa trong đề cương. Các câu hỏi nhỏ sẽ là các chương trọng tâm trong Luận án.

Giả thuyết nghiên cứu là nhận định mang tính khẳng định hay phủ định, mang tính minh họa sơ bộ và cơ bản nhằm trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu đã nêu.

2.8. **Lý thuyết nghiên cứu**

Đây là các lý thuyết, học thuyết, quan điểm pháp lý được NCS sử dụng nhằm giải quyết các vấn đề pháp lý đặt ra trong Luận án TS.

2.9. Phương pháp nghiên cứu

Đề cương cũng như Luận án TS phải thể hiện rõ phương pháp được sử dụng để nghiên cứu đề tài.

Các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực luật bao gồm suy lý, quy nạp, diễn dịch, bình luận án và so sánh luật. Phương pháp so sánh với pháp luật nước ngoài là đặc thù và cốt yếu cho nghiên cứu ở bậc tiến sĩ.

Ngoài ra, tùy theo nội dung đề tài và hướng tiếp cận, một số phương pháp khác như kinh tế học - pháp luật, phân tích lịch sử, điều tra xã hội học... cũng có thể được sử dụng. Yêu cầu chung về phương pháp là đa dạng, hợp lý và khoa học phục vụ trực tiếp cho việc tìm ra vấn đề nghiên cứu.

2.10. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Đề tài luận án tiến sĩ thành công phải có giá trị khoa học và giá trị thực tiễn. Phần này chỉ ra những đóng góp về mặt khoa học, lý luận mang lại cho nền khoa học pháp lý, cụ thể là khoa học pháp lý về dân sự và tố tụng dân sự.

2.11. Kế hoạch, lộ trình thực hiện đề tài

NCS cần phác thảo cơ bản các bước và lộ trình thực hiện đề tài. Lập bảng bao gồm các yếu tố như bước, thời gian, công việc, kết quả dự kiến và ghi chú. Ví dụ:

Bước	Thời gian	Công việc	Phương pháp tiến hành	Kết quả dự kiến	Ghi chú
1	2020 - 2021	Hoàn thiện đề cương	Tập hợp tài liệu Đọc và ghi chú các điểm cần sử dụng	Đề cương chi tiết hoàn chỉnh	...
2	...	...	...	...	...

Lộ trình cần chỉ rõ thời gian dự kiến của việc hoàn thành luận án, bao gồm thời gian hoàn thành các chuyên đề nghiên cứu bắt buộc.

Cần chỉ rõ tên chuyên đề nghiên cứu dự kiến và giảng viên hướng dẫn đề xuất.

2.12. Bố cục dự kiến của đề tài

NCS cần phác thảo dự kiến các chương và các tiểu mục của luận án (chi tiết đến tiểu mục 3 số) ở phần này để cho thấy rõ các nội dung của luận án được triển khai cụ thể như thế nào để trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu nhằm hoàn thành mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.

2.13. Danh mục tài liệu tham khảo

Đây là danh mục các sách chuyên khảo, tham khảo, bài báo khoa học, luận án, bản án liên quan đến đối tượng nghiên cứu, được sử dụng trong Luận án.

Sắp xếp danh mục các tài liệu tham khảo theo trật tự ABC của họ (tác giả Việt Nam) hoặc tên (tác giả nước ngoài) hoặc chữ cái đầu tiên của tên tổ chức (tác giả là tổ chức) và đánh số thứ tự liên tục giữa các phần trong danh mục tài liệu tham khảo.

3. NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG VỀ TRÌNH BÀY 3 CHUYÊN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

3.1. Yêu cầu đối với Chuyên đề tổng quan (Chuyên đề 1)

Chuyên đề tổng quan là kết quả nghiên cứu mang tính cá nhân của NCS trên cơ sở hướng dẫn của một hoặc hai GVHD. Đặc thù của khoa học pháp lý là một ngành khoa học mang tính kế thừa, do vậy các kết quả nghiên cứu sau không thể được tiến hành nếu không tham khảo, kế thừa các kết quả đi trước.

Về nội dung và hình thức: Chuyên đề tổng quan thể hiện đầy đủ các nội dung theo bố cục giống yêu cầu của Đề cương luận án Tiến sĩ (phía trên).

3.2. Yêu cầu đối với Chuyên đề 2 và Chuyên đề 3:

Chuyên đề 2 và Chuyên đề 3 là kết quả nghiên cứu mang tính cá nhân của NCS trên cơ sở hướng dẫn của một hoặc hai GVHD.

Chuyên đề 2 và Chuyên đề 3 tập trung phân tích, đánh giá một hoặc một số vấn đề liên quan đến cơ sở lý luận, thực trạng pháp luật và áp dụng pháp luật liên quan đến đề tài.

Chuyên đề 2 và Chuyên đề 3 bao gồm các chương, trong đó có Phần mở đầu, các chương nội dung, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục (nếu có). Nội dung phải chỉ ra được những điểm còn hạn chế, bất cập cả về lý luận lẫn thực tiễn, đồng thời nêu ra

các giải pháp, kiến nghị nhằm khắc phục các bất cập, hạn chế. Kinh nghiệm pháp luật nước ngoài là cơ sở tham khảo quan trọng để hoàn thiện và khắc phục bất cập của pháp luật Việt Nam.

Chuyên đề 2 và Chuyên đề 3 có thể nêu câu hỏi nghiên cứu cần giải quyết cho chuyên đề này, gắn với đề tài luận án tiến sĩ. Việc lựa chọn câu hỏi nghiên cứu phụ thuộc vào mục tiêu nghiên cứu, thể hiện được khi giải quyết câu hỏi này thì vấn đề nghiên cứu của chuyên đề sẽ được làm sáng tỏ, mục tiêu nghiên cứu sẽ đạt được. Giả thuyết nghiên cứu cũng cần được đề cập ngay sau câu hỏi nghiên cứu của chuyên đề. Giả thuyết nghiên cứu là nhận định mang tính khẳng định hay phủ định, mang tính minh họa sơ bộ và cơ bản nhằm trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu đã nêu.

Chuyên đề 2 và Chuyên đề 3 bao gồm cả lý thuyết nghiên cứu, đây là các lý thuyết, học thuyết, quan điểm pháp lý được NCS sử dụng nhằm giải quyết các vấn đề pháp lý đặt ra trong chuyên đề.

Mỗi Chuyên đề 2 và Chuyên đề 3 có độ dài từ 30 đến 40 trang A4 (không kể danh mục bảng biểu, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục nếu có).

4. NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG VỀ TRÌNH BÀY LUẬN ÁN TIẾN SĨ

4.1. Yêu cầu

Luận án tiến sĩ chuyên ngành LDS&TTDS là một công trình khoa học độc lập, là kết quả nghiên cứu mang tính cá nhân của NCS trên cơ sở hướng dẫn của một hoặc hai GVHD. Hai yêu cầu cơ bản mà một luận án tiến sĩ cần đạt được:

Về mặt nội dung: luận án tiến sĩ phân tích và luận giải được những điểm bất cập, hạn chế của các quy định pháp luật hiện hành, cũng như những bất cập trong thực tiễn áp dụng và giải thích pháp luật. Từ đó có thể xây dựng nên những luận điểm mới, lý thuyết mới để hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

Những điểm bất cập này phải được bình luận trên nền so sánh lẫn nhau giữa các quy định pháp luật Việt Nam và với pháp luật các nước có hệ thống pháp luật pháp triển. Việc kết hợp lý thuyết nghiên cứu (nếu có) với quy định pháp luật, bản án, thực trạng cần thực

hiện để chỉ ra các vấn đề bất cập hoặc tìm ra các lý thuyết mới về pháp luật. Phương pháp phân tích, bình luận, nêu quan điểm cá nhân cần được thực hiện xuyên suốt các vấn đề của Luận án.

Trên cơ sở phân tích, bình luận những điểm bất cập, luận án phải đưa ra được các giải pháp, hoặc các ý tưởng khoa học nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trên cả bình diện các quy định pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng và giải thích pháp luật.

Về mặt hình thức: luận án tiến sỹ phải được viết và trình bày một cách khoa học và hợp lý. Việc sử dụng câu từ phải chính xác, trau chuốt, không tối nghĩa và đúng thuật ngữ pháp lý. Hình thức luận án phải theo quy định tại Mục 3.3.

Đối với việc sử dụng các thuật ngữ pháp lý không phổ biến thì phải giải thích rõ ràng.

Đặc thù của khoa học pháp lý là một ngành khoa học mang tính kế thừa, do vậy các kết quả nghiên cứu sau không thể được tiến hành nếu không tham khảo, kế thừa các kết quả đi trước. Quan điểm khoa học và phổ biến của giáo dục và đào tạo luật ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay là tối đa hóa việc tham khảo tài liệu của người đi trước để luận án có độ tin cậy và hàm lượng khoa học cao.

Cuối mỗi Chương đều phải có phần tóm tắt chương (Tiểu kết, dài tối đa 2 trang)

Số thứ tự của các chương, mục được đánh số bằng hệ thống số Ả rập. Các tiểu mục của Luận án được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm bốn chữ số với số thứ nhất chỉ số chương. Tại mỗi nhóm tiểu mục phải có ít nhất hai tiểu mục, nghĩa là không thể có tiểu mục 2.1.1 mà không có tiểu mục 2.1.2 tiếp theo.

Ví dụ:

CHƯƠNG 2....

2.1.

2.1.1.

2.1.1.1. (nếu có)

2.1.1.2.

...

2.1.2.

...

Tên chương phải ở đầu trang mới.

Tên chương viết chữ hoa, in đậm, cỡ chữ 14. Tên các mục trong chương viết chữ thường, in đậm, cỡ chữ 13; tên các tiểu mục trong mục viết chữ thường, in nghiêng, cỡ chữ 13.

4.2. Cấu trúc

Luận án phải được sắp xếp và phân chia thành các Chương, Mục phù hợp, khoa học, hướng tới việc đạt được mục tiêu đề ra.

Một luận án gồm có các nội dung sau: Phần mở đầu, các chương và Kết luận.

Phần mở đầu trình bày các vấn đề: tên đề tài, tính cấp thiết, tình hình nghiên cứu trong nước và thế giới, từ đó chỉ ra những điểm mới, điểm đóng góp của đề tài về mặt lý luận và thực tiễn, đối tượng, phạm vi, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu, lý thuyết nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu và bố cục của Luận án. Phần này có độ dài tối thiểu 5 trang và tối đa 15 trang. Phần này cũng có thể là Chương 1 của Luận án với tên gọi Chương 1: Tổng quan về tài đề, hoặc Chương 1: Chương mở đầu.

Các chương nội dung cụ thể: NCS và GVHD thống nhất bố cục các chương của luận án. Luận án được khuyến khích có từ 4 đến 5 chương.

Các chương này trình bày từng nội dung khoa học chính yếu, cụ thể xoay quanh chủ đề chung của Luận án. Trong mỗi chương, NCS phải trình bày được cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề thuộc chương đó. Các điều khoản trong các văn bản quy phạm pháp luật và thực tiễn áp dụng, giải thích pháp luật phải được bình luận, giải thích một cách cụ thể, rõ ràng, đi đến cùng vấn đề đặt ra. Việc so sánh với pháp luật nước ngoài là yếu tố quan trọng, là nền tảng giúp chỉ ra những điểm khác biệt và hạn chế của pháp luật Việt Nam. Sau khi phân tích, luận giải, so sánh thì phải đưa ra được các giải pháp cụ thể, xác thực và hợp lý nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam. Mỗi chương giải quyết trọn vẹn vấn đề nghiên cứu. Vấn đề được giải quyết phải mang lại tri thức mới trong lĩnh vực khoa học pháp lý, cả về nội dung và phương pháp. Tính mới này không được trùng lặp với các công trình, đề tài nghiên cứu trước đó.

Kết luận: Luận án phải có phần kết luận riêng biệt (tổng kết), tóm tắt lại những thành công, đánh giá những hạn chế còn tồn tại của Luận án, không phân tích lại nội dung cũ, đồng thời mở ra được hướng nghiên cứu mới.

Phần cuối cùng là **Danh mục các công trình đã công bố liên quan đến đề tài của nghiên cứu sinh, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục** (nếu có) của Luận án.

Phụ lục: Phần này bao gồm các bảng, biểu, các bản án, mẫu hợp đồng, mẫu phiếu khảo sát, điều tra xã hội học kết quả thống kê, khảo sát có ý nghĩa và có liên quan đến nội dung của đề tài mà không tiện đưa vào phần nội dung của Luận án.

4.3. Trích dẫn dẫn nguồn (footnote) và Danh mục tài liệu tham khảo

Việc dẫn nguồn phải được kết nối chặt chẽ với danh mục tham khảo. Số trang tài liệu nghiên cứu chỉ được thể hiện trong footnote dẫn nguồn, mà không thể hiện trong danh mục tài liệu tham khảo (*Xem thêm chi tiết trong phần Phụ lục 2*).

4.4. Hình thức trình bày Luận án

Luận án được trình bày trên giấy đánh máy, khổ A4, dung lượng khoảng từ 150 đến 200 trang; font: Times New Roman, Size: 13; Line Spacing: 1.5; giãn dòng trên-dưới-trái-phải: 2.5-2.5-3.5-2.5, in một mặt.

Qui định hình thức trình bày trang bìa, trang lót và nhiều nội dung khác theo qui chuẩn chung của trường Đại học Kinh tế - Luật (Cần tham khảo website của Phòng sau Đại học).

Màu bìa của **Luận án Tiến sỹ** cho ngành LDS&TTDS – là màu đỏ.

Luận án cho bảo vệ các cấp và phản biện kín được **in 1 mặt, đóng gáy lò xo**.

Luận án chỉ in một mặt và bìa có chữ **MẠ VÀNG** cho phiên bản cuối cùng.

TRƯỞNG KHOA LUẬT

PGS.TS. NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG

PHỤ LỤC 1

QUY CHUẨN CỤM TỪ VIẾT TẮT, CHỮ VIẾT HOA, ĐỊNH DẠNG NGÀY THÁNG, ĐỊNH DẠNG CON SỐ

1.1. Viết tắt

Không lạm dụng việc viết tắt trong Luận án. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện; không viết tắt ở các đề mục.

Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên cơ quan, tổ chức... thì chỉ được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu khóa luận có nhiều chữ viết tắt thì phải có **Bảng danh mục các chữ viết tắt** (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu khóa luận, tuy nhiên không khuyến khích quá 10 từ.

Trường hợp dẫn chiếu văn bản pháp luật cần ghi đầy đủ số ký hiệu văn bản và tên văn bản, ví dụ: Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

Trường hợp văn bản đó được sử dụng nhiều lần trong khóa luận thì từ lần thứ 2 trở đi có thể viết tắt như sau:

- Số, ký hiệu của các văn bản quy phạm pháp luật còn lại được sắp xếp theo thứ tự: "số thứ tự của văn bản/năm ban hành/tên viết tắt của loại văn bản-tên viết tắt của cơ quan ban hành văn bản" ví dụ: Nghị định số 88/2006/NĐ-CP.
- Trường hợp các văn bản luật, pháp lệnh thì có thể viết tắt tên luật, pháp lệnh và năm ban hành, Ví dụ: Luật doanh nghiệp 2005.
- Không viết tắt ở tên đề tài, tên chương, tên mục và trong phần mục lục, phần mở đầu và kết luận.

1.2. Chữ viết hoa

Các trường hợp điển hình bao gồm (nhưng không giới hạn):

Tên các cơ quan tổ chức; Tên các cá nhân; Tên các tổ chức hay thể chế được dùng trong cụm từ mà nó có vai trò là tính từ bổ nghĩa thì không viết hoa. Ví dụ: Kinh tế nhà nước (ở đây không viết hoa từ “nhà nước”).

Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự...

1.3. Định dạng ngày tháng

Định dạng ngày tháng tiếng Việt theo nguyên tắc chung, thống nhất: ngày 2/9/1945

1.4. Định dạng con số

Định dạng con số được thực hiện thống nhất:

o dấu phẩy (,) được biểu trưng cho nhóm dãy số thập phân;

o dấu chấm (.) biểu trưng cho phân nhóm các dãy số hàng đơn vị, hàng chục hàng trăm hàng nghìn...

Ví dụ: 200,233 đồng (được hiểu: 200 đồng 233); 200.233 đồng (được hiểu: 200 nghìn 233 đồng).

PHỤ LỤC 2

QUI ĐỊNH VỀ TRÍCH DẪN NGUỒN VÀ LẬP DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. YÊU CẦU VỀ TRÍCH DẪN NGUỒN

a. Tài liệu tham khảo là **sách, luận án tiến sĩ, báo cáo...** phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành (dấu phẩy ở cuối) (không ghi chức vụ, danh hiệu, học hàm, học vị của tác giả)
- Tên sách, luận án hoặc báo cáo khoa học (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- Nhà xuất bản, (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản và viết tắt NXB)
- Nơi xuất bản, (dấu phẩy sau nơi xuất bản)
- Năm xuất bản
- Trang (viết tắt: tr.) (dấu chấm để kết thúc)

VD: Nguyễn Văn A, *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*, NXB. Đại học quốc gia, TP.HCM, 2013, tr. 485.

b. Tài liệu tham khảo là **bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách ...** ghi đầy đủ các thông tin theo trình tự sau:

- Tên các tác giả (dấu phẩy ở cuối)
- Tên bài báo, (đặt trong ngoặc kép, không in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- Tên tạp chí hoặc tên sách, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- Số, (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- Năm công bố, (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- Các số trang, (gạch ngang giữa hai chữ số, dấu chấm kết thúc)

VD: Nguyễn Văn B, “Bình luận về quyền tư pháp”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, số 6/2016, tr. 65.

c. Nếu tài liệu được trích từ các website, ghi theo cách sau: Tên tác giả, Tên bài viết (đặt trong “...”), toàn bộ đường dẫn trang web có tài liệu đó, ghi ngày truy cập.

VD: Tạp chí dân chủ pháp luật, “Phân biệt khiếu nại và tố cáo trong thi hành án dân sự”, <http://www.ccthadsquanbinhthanh.com/Default.aspx?tabid=69&ctl=ViewNewsDetail&mid=401&NewsPK=22>, truy cập ngày 24/02/2020.

d. Nếu tài liệu là văn bản pháp luật: ghi đúng ký hiệu văn bản pháp luật.

VD: Nghị định Chính phủ số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/1/2020 về Tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại (Nghị định 08/2020/NĐ CP).

e. Nếu tài liệu là bản án: ghi đúng ký hiệu bản án và trích yếu.

VD: *Bản án số: 10/2017/KDTM-ST "V/v tranh chấp về hợp đồng vận chuyển" của Tòa án nhân dân tỉnh X.*

f. Trường hợp một tài liệu tham khảo nhưng được trích dẫn nhiều lần trong bài: bắt đầu từ chú dẫn thứ hai trở đi nếu không muốn lặp lại chú dẫn đó thì tác giả có thể ghi: Tên tác giả, *tlđd* (in nghiêng) hoặc *sđd* (in nghiêng), tr.... (sau số trang kết thúc bằng dấu chấm).

VD: Herring G., *sđd*, tr. 612.

g. Ngoài ra, tác giả có thể sử dụng các footnote để giải nghĩa từ ngữ, làm rõ thêm một nội dung nào đó.

2. YÊU CẦU VỀ LẬP DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Danh mục tài liệu tham khảo bao gồm:

1. Danh mục văn bản pháp luật (danh mục văn bản pháp luật Việt Nam, nước ngoài, các Hiệp định, Hiệp ước, Công ước quốc tế) (trường hợp có nhiều ngôn ngữ khác nhau thì lập danh mục văn bản pháp luật theo từng ngôn ngữ riêng)

2. Danh mục các tài liệu tham khảo khác

2.1. Tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt

2.2. Tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh (nếu có)

2.3. Tài liệu tham khảo bằng tiếng Pháp (nếu có)

2.4.

- Tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn tên tác giả và tên tài liệu, không phiên âm, không dịch (đối với những tài liệu bằng ngôn ngữ còn ít người biết hoặc khác hệ ngôn ngữ Latin có thể thêm phần dịch tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu).

- Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC theo họ hoặc tên tác giả theo đúng trật tự xuất hiện của họ tên trên tác phẩm được trích dẫn như sau:

+ Tác giả là người nước ngoài: xếp thứ tự ABC theo từ đầu tiên của họ tên theo đúng trật tự họ tên xuất hiện trên tác phẩm.

+ Tác giả là người Việt Nam: xếp theo thứ tự ABC theo họ (vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ).

+ Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm.

+ Không ghi học hàm, học vị, chức vụ của tác giả

- Ở mỗi tài liệu trong danh mục tài liệu tham khảo, NCS cũng **ghi đầy đủ các thông tin theo trình tự như đã hướng dẫn ở phần chú dẫn (footnote).**

- Riêng đối với tài liệu tham khảo là **sách, luận án tiến sỹ, báo cáo khoa học...** thì *không phải ghi số trang* như trong footnote.

- Danh mục tài liệu tham khảo được đánh số liên tục.

- Lặp lại trích dẫn: Chỉ áp dụng khi hai footnote liên tục nhau cùng của một nguồn tài liệu.

Tlđd: tài liệu đã dẫn.

Ví dụ: Footnote 111: Denis Harley & Potter King, “Genesis of non-contractual liability”, *Journal of Law*, 15 (4), 1995, 7 - 13.

Footnote 112: Tlđd, tr. 11.

Dưới đây là ví dụ về cách trình bày trang tài liệu tham khảo:

Ví dụ: DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Đăng Dung, *Một số vấn đề về Hiến pháp và bộ máy nhà nước*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội, 2001.
2. Võ Khánh Vinh, “Khung tư duy nhận thức về xã hội dân sự”, *Nhà nước và pháp luật*, Số 02/2006, tr. 3-7.

Tiếng nước ngoài

23. Christian Gavanlda, Jean Stuoффlet, *Droit bancaire: Institutions- Comptes- Opérations*, Litec, Paris, 1994.
26. David Buxbaum and Tang Ying, “Foreign investment in infrastructure projects in China”, *Journal of Project Finance*, số

12/2000, tr. 3-8.

30. Slattery P.D., “Project Finance: An Overview”, *Journal of Corporate and Business Law*, số 1/1993, tr. 61-81.